

Bản án số: **23/2021/DS - ST**

Ngày: 31/12/2021

*“V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Quang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 88/2020/TLST- KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc *“tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 614/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 651/2021/QĐHPT ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Trụ sở: Số 89 phố L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị - Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, VP bank Hội sở - Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện ủy quyền lại:

Ông Phan Văn N, sinh năm 1981 – Vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Tầng 2B, R6 Royal City, số 72 đường N, quận T, thành phố Hà Nội.

Ông Hoàng Mạnh T, sinh năm 1995 – Có mặt tại phiên tòa

HKTT: khối 1, phường T, thị xã C, tỉnh Nghệ An

Hiện ở; Số 4 ngõ 189 đường N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty TNHH thiết bị phụ tùng Q (viết tắt là Công ty Q)

Trụ sở: Số 1 ngõ 207 đường L, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T1 – Giám đốc Công ty.

Vắng mặt tại phiên tòa

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1978

3.2. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1982

Cùng HKKT: Số 73, tổ 18 cụm 3 phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

Cùng hiện ở: Số 5 ngõ 63 ngách 30 đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng tại Tòa án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hoàng Mạnh T trình bày như sau:***

Ngân hàng V và Công ty Q có quan hệ tín dụng tại các hợp đồng như sau:

Ngày 12/4/2018 người đại diện theo pháp luật của Công ty Q là bà Nguyễn Thị T1 đã ký vào Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) và đã được Ngân hàng V chấp thuận cho phát hành thẻ với hạn mức sử dụng là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng đối với khách hàng sử dụng là Công ty Q. Bà Nguyễn Thị T1 là người được Công ty Q ủy quyền nhận thẻ và pin từ Ngân hàng, bà Nguyễn Thị T1 cũng là người nhận ủy quyền của Công ty Q để liên hệ thanh toán dư nợ thẻ tín dụng. Mục đích sử dụng vốn thông qua việc phát hành thẻ là phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 60 tháng. Lãi suất và phương thức tính lãi: lãi được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của chủ thẻ và được tính theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định từng thời kỳ cùng các nội dung thỏa thuận khác ghi nhận trong hợp đồng. Ngân hàng V đã giải ngân theo yêu cầu của Công ty Q số tiền 99,775,000 đồng vào ngày 18/04/2018. Quá trình sử dụng vốn, Công ty Q đã để khoản vay quá hạn vào ngày 23/07/2019. Vì vậy, Ngân hàng V đã chuyển toàn bộ số dư nợ thẻ sang nợ quá hạn và tính theo lãi suất nợ quá hạn đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Tính từ ngày vi phạm thì Công ty Q còn nợ tiền thẻ tín dụng là 99.853.010 đồng, nợ lãi thẻ tạm tính đến ngày xét xử 31/12/2021 là 132.725.704 đồng.

Ngày 05/3/2018 giữa Ngân hàng V – chi nhánh H và Công ty Q do bà Nguyễn Thị T1 là người đại diện theo pháp luật đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 020318-4532893-01-SME, theo thỏa thuận thì Công ty Q đề nghị và Ngân hàng V – chi nhánh H đồng ý cấp hạn mức cho vay là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động

kinh doanh thương mại máy móc, thiết bị phụ tùng công nghiệp. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày 05/3/2018. Mỗi lần vay, các bên sẽ ký kết một Khế ước nhận nợ để ghi nhận thông tin chi tiết về khoản vay vốn từng lần mà Ngân hàng cấp cho bên vay. Biện pháp bảo đảm cho khoản vay này là bảo lãnh cá nhân của bà Nguyễn Thị T1.

Cùng ngày 05/3/2018 Ngân hàng V – chi nhánh H và Công ty Q có ký Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐTD (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 020318-4532893-01-SME ngày 05/3/2018).

Ngày 05/3/2018 bà Nguyễn Thị T1 đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 4532893/HĐBL/VPBANK-CHI NHANH HA NOI với bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng V – chi nhánh H. Theo thỏa thuận, bà Nguyễn Thị T1 đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty Q đối với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 020318-4532893-01-SME ngày 05/3/2018 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty Q và Ngân hàng.

Quá trình thực hiện thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng hạn mức, trên cơ sở Giấy đề nghị giải ngân của Công ty Q, Ngân hàng V – chi nhánh H đã thực hiện giải ngân các khoản tín dụng thể hiện tại 08 Khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

1. Khế ước nhận nợ số 505318-4532893-01-SME ngày 05/3/2018. Số tiền cho vay: 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng. Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 05/3/2018 đến ngày 05/3/2019. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền hàng. Phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng. Lãi suất cho vay trong tại thời điểm giải ngân: 17,3%/năm (tính một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng / 1 lần. Ngày điều chỉnh lãi đầu tiên là 05/04/2018. Thời hạn trả nợ là trả nợ định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là 25/03/2018. Tổng cộng gồm 12 kỳ. Số tiền nợ gốc mỗi kỳ phải trả là 250.000.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 250.000.000 đồng. Trả nợ lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên là 25/03/2018.

Ngân hàng V – chi nhánh H đã giải ngân đủ 3.000.000.000 đồng vào ngày 05/03/2018. Tính đến ngày xét xử 31/12/2021, số tiền Công ty Q thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc: 2.250.000.000 đồng, tiền nợ lãi: 248.206.876 đồng.

Số tiền Công ty Q còn nợ tại Khế ước nhận nợ số 505318-4532893-01-SME tạm tính đến ngày 31/12/2021 là: nợ gốc: 750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 9.658.800 đồng, nợ lãi quá hạn là: 609.062.672 đồng; phạt chậm trả lãi: 98.787.162 đồng.

Tổng cộng là 1.467.535.634 (một tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi tư) đồng.

2. Khế ước nhận nợ số 260418-4532893-01-SME ngày 26/04/2018. Số tiền cho vay: 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 26/04/2018 đến ngày 26/04/2019. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền hàng. Phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng. Lãi suất cho vay trong tại thời điểm giải ngân: 16,8%/năm (tính một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng / 1 lần. Ngày điều chỉnh lãi đầu tiên là 26/05/2018. Thời hạn trả nợ là trả nợ định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là 25/05/2018. Tổng cộng gồm 12 kỳ. Số tiền nợ gốc mỗi kỳ phải trả là 41.660.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 41.740.000 đồng. Trả nợ lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên là 25/05/2018.

Ngân hàng V – chi nhánh H đã giải ngân đủ 500.000.000 đồng vào ngày 26/04/2018. Tính đến ngày xét xử 31/12/2021, số tiền Công ty Q đã thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc là 291.620.000 đồng; nợ lãi: 38.191.888 đồng.

Số tiền Công ty Q còn nợ tại Khế ước nhận nợ số 260418-4532893-01-SME tạm tính đến ngày 31/12/2021 là: nợ gốc 208.380.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.830.898 đồng, nợ lãi quá hạn 169.235.675 đồng, phạt chậm trả lãi 27.496.492 đồng.

Tổng cộng: 407.943.065 (Bốn trăm lẻ bảy triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn không trăm sáu mươi lăm) đồng.

3. Khế ước nhận nợ số 280618 - 4532893-01-SME ngày 28/6/2018. Số tiền cho vay: 580.000.000 (năm trăm tám mươi triệu) đồng. Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 28/06/2018 đến ngày 28/06/2019. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền hàng. Phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng. Lãi suất cho vay trong tại thời điểm giải ngân: 17,4%/năm (tính một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng / 1 lần. Ngày điều chỉnh lãi đầu tiên là 28/07/2018. Thời hạn trả nợ là trả nợ định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là 25/07/2018. Tổng cộng gồm 12 kỳ. Số tiền nợ gốc mỗi kỳ phải trả là 48.330.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 48.370.000 đồng. Trả nợ lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên là 25/07/2018.

Ngân hàng V – chi nhánh H đã giải ngân đủ 580.000.000 đồng vào ngày 28/06/2018. Số tiền Công ty Q đã thanh toán cho Ngân hàng V là: nợ gốc: 241.650.000 đồng, nợ lãi: 35.397.423 đồng.

Tính đến ngày 31/12/2021 số tiền Công ty Q còn nợ theo Khế ước nhận nợ số 280618 - 4532893-01-SME là nợ gốc: 338.350.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.623.558 đồng, nợ lãi quá hạn 274.600.226 đồng, phạt chậm trả: 44,625,129 đồng.

Tổng cộng: 662.198.913 (Sáu trăm sáu mươi hai triệu một trăm chín mươi tám nghìn chín trăm mười ba) đồng.

4. Khế ước nhận nợ số 270718 - 4532893-01-SME ngày 27/07/2018. Số tiền cho vay: 343.310.000 (ba trăm bốn mươi ba triệu ba trăm mười nghìn) đồng. Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 27/07/2018 đến ngày 27/07/2019. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán hóa đơn số 0000563. Phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng. Lãi suất cho vay trong tại thời điểm giải ngân: 18,4%/năm (tính một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng / 1 lần. Ngày điều chỉnh lãi đầu tiên là 27/08/2018. Thời hạn trả nợ là trả nợ định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là 25/08/2018. Tổng cộng gồm 12 kỳ. Số tiền nợ gốc mỗi kỳ phải trả là 28.600.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 28.710.000 đồng. Trả nợ lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên là 25/08/2018.

Ngân hàng V – chi nhánh H đã giải ngân đủ 343.310.000 đồng vào ngày 27/07/2018. Số tiền Công ty Q đã thanh toán cho Ngân hàng V là: nợ gốc: 114.400.000 đồng, nợ lãi: 18.465.160 đồng.

Tính đến ngày 31/12/2021 số tiền Công ty Q còn nợ theo Khế ước nhận nợ số 270718 - 4532893-01-SME là nợ gốc: 228.910.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 3.275.132 đồng, nợ lãi quá hạn 188.212.939 đồng, phạt chậm trả: 30,810,353 đồng;

Tổng cộng: 451.208.424 (Bốn trăm năm mươi một triệu hai trăm lẻ tám nghìn bốn trăm hai mươi tư) đồng.

5. Khế ước nhận nợ số 100918 - 4532893-01-SME ngày 10/09/2018. Số tiền cho vay: 368.590.000 (ba trăm sáu mươi tám triệu năm trăm chín mươi nghìn) đồng. Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 10/09/2018 đến ngày 10/09/2019. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền hàng. Phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng. Lãi suất cho vay trong tại thời điểm giải ngân: 17,4%/năm (tính một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng / 1 lần. Ngày điều chỉnh lãi đầu tiên là 10/10/2018. Thời hạn trả nợ là trả nợ định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là 25/10/2018. Tổng cộng gồm 12 kỳ. Số tiền nợ gốc mỗi kỳ phải trả là 30.700.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 30.890.000 đồng. Trả nợ lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên là 25/10/2018.

Ngân hàng V – chi nhánh H đã giải ngân đủ 368.590.000 đồng vào ngày 10/09/2018. Số tiền Công ty Q đã thanh toán cho ngân hàng V là: nợ gốc: 61.400.000 đồng, nợ lãi: 13.466.153 đồng.

Tính đến ngày 31/12/2021 số tiền Công ty Q còn nợ theo Khế ước nhận nợ số 100918 - 4532893-01-SME là nợ gốc: 307.190.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.341.578 đồng, nợ lãi quá hạn 249.376.843 đồng, phạt chậm trả: 40.561.994 đồng;

Tổng cộng: 601.470.415 (Sáu trăm lẻ một triệu, bốn trăm bảy mươi triệu, bốn trăm mười lăm nghìn) đồng.

6. Khế ước nhận nợ số 270918-4532893-01-SME ngày 27/9/2018. Số tiền cho vay: 368.590.000 (ba trăm sáu mươi tám triệu năm trăm chín mươi nghìn) đồng. Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 28/9/2018 đến ngày 28/9/2019. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền hàng. Phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng. Lãi suất cho vay trong tại thời điểm giải ngân: 17,7%/năm (tính một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng / 1 lần. Ngày điều chỉnh lãi đầu tiên là 28/10/2018. Thời hạn trả nợ là trả nợ định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là 25/10/2018. Tổng cộng gồm 12 kỳ. Số tiền nợ gốc mỗi kỳ phải trả là 30.700.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 30.890.000 đồng. Trả nợ lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên là 25/10/2018.

Ngân hàng V – chi nhánh H đã giải ngân đủ 368.590.000 đồng vào ngày 28/09/2018. Số tiền Công ty Q đã thanh toán cho Ngân hàng V là: nợ gốc: 61.400.000 đồng, nợ lãi: 10.306.887 đồng.

Tính đến ngày 31/12/2021 số tiền Công ty Q còn nợ theo Khế ước nhận nợ số 270918-4532893-01-SME là nợ gốc: 307.190.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.347.893 đồng, nợ lãi quá hạn 249.311.196 đồng, phạt chậm trả: 40,560,793 đồng;

Tổng cộng: 601.409.882 (Sáu trăm lẻ một triệu bốn trăm lẻ chín nghìn tám trăm tám mươi hai) đồng.

7. Khế ước nhận nợ số 291018-4532893-01-SME ngày 29/10/2018. Số tiền cho vay: 429.990.000 (bốn trăm hai mươi chín triệu chín trăm chín mươi nghìn) đồng. Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 29/10/2018 đến ngày 29/10/2019. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền hàng. Phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng. Lãi suất cho vay trong tại thời điểm giải ngân: 18,2%/năm (tính một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng / 1 lần. Ngày điều chỉnh lãi đầu tiên là 29/11/2018. Thời hạn trả nợ là trả nợ định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là 25/11/2018. Tổng cộng gồm 12 kỳ. Số tiền nợ gốc mỗi kỳ phải trả là 35.800.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 36.190.000 đồng. Trả nợ lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên là 25/11/2018.

Ngân hàng V – chi nhánh H đã giải ngân đủ 429.990.000 đồng vào ngày 29/10/2018. Số tiền Công ty Q đã thanh toán cho Ngân hàng V là: nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi: 324.179 đồng.

Tính đến ngày 31/12/2021 số tiền Công ty Q còn nợ theo Khế ước nhận nợ số 291018-4532893-01-SME gồm nợ gốc: 465.790.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 3.426.428 đồng, nợ lãi quá hạn 372.425.915 đồng, phạt chậm trả: 59.310.745 đồng;

Tổng cộng: 901.526.660 (Chín trăm lẻ một triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi) đồng.

8. Khế ước nhận nợ số 101218 - 4532893-01-SME ngày 10/12/2018. Số tiền cho vay: 465.790.000 (bốn trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn) đồng. Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 10/12/2018 đến ngày 10/12/2019. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền hàng. Phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng. Lãi suất cho vay trong tại thời điểm giải ngân: 17,9%/năm (tính một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng / 1 lần. Ngày điều chỉnh lãi đầu tiên là 10/01/2019. Thời hạn trả nợ là trả nợ định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là 25/12/2018. Tổng cộng gồm 12 kỳ. Số tiền nợ gốc mỗi kỳ phải trả là 28.815.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 38.825.000 đồng. Trả nợ lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên là 25/12/2018.

Ngân hàng V – chi nhánh H đã giải ngân đủ 465.790.000 đồng vào ngày 10/12/2018. Số tiền Công ty Q đã thanh toán cho Ngân hàng V là: nợ gốc: 35.800.000 đồng, nợ lãi: 6.041.918 đồng.

Tính đến ngày 31/12/2021 số tiền Công ty Q còn nợ theo Khế ước nhận nợ số 101218 - 4532893-01-SME gồm nợ gốc: 394.190.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 5.947.200 đồng, nợ lãi quá hạn 322.371.822 đồng, phạt chậm trả: 52.763.782 đồng;

Tổng cộng: 775.272.803 (Bảy trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm lẻ ba) đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng hạn mức, đến ngày 25/12/2018 Công ty Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ khoản vay nợ theo các Khế ước nhận nợ nêu trên đã bị chuyển nợ quá hạn và tính lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng và các khế ước nhận nợ. Như vậy, tính đến ngày xét xử, Công ty Q còn nợ Ngân hàng theo các khế ước nhận nợ số tiền nợ gốc là: 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 38.451.487 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.434.597.288; phạt chậm trả: 394.916.450 đồng. Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi và phạt chậm trả lãi tính đến ngày xét xử Công ty Q còn nợ Ngân hàng V là **5.867.965.225 đồng.**

Nay Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Công ty Q phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên. Trong trường hợp Công ty Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V, đề nghị Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty Q toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả nêu trên. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty Q thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V. Trong trường hợp Công ty Q, bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Q và bà Nguyễn Thị T1 để thu hồi khoản nợ vay.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho người đại diện theo pháp luật của Công ty Q là bà Nguyễn Thị T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan là bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn T2 nhưng Công ty Q, bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn T2 đều không có ý kiến phản hồi, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa, không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào cũng như vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng V là đúng thẩm quyền; tiến hành phân công Thẩm phán, thư ký theo đúng quy định tại điều 195, 197 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án đã không đảm bảo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đã tiến hành tổng đạt cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại các điều 177, 178, 179 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; quá trình giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa dân sự sơ thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án, đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, vi phạm các điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, điều 171, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, yêu cầu Công ty TNHH thiết bị phụ tùng Q phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền **5.641.110.818** đồng gồm khoản tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn. Đối với phần phạt chậm trả lãi 375.933.671 đồng, theo QĐ số 127/2005 của thống đốc NH NN Việt Nam, điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và các quy định của pháp luật không chấp nhận phần lãi phạt chậm trả (lãi chồng lãi) nên không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng V khởi kiện Công ty TNHH thiết bị, phụ tùng Q yêu cầu giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã được hai bên ký kết. Ngân hàng V và Công ty Q đều là các tổ chức có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh,

Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy căn cứ khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại, tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH thiết bị, phụ tùng Q có trụ sở theo Giấy đăng ký kinh doanh tại địa bàn quận Cầu Giấy. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án xác định nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V, bị đơn là Công ty TNHH thiết bị, phụ tùng Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn T2.

Về thời hiệu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không lấy được lời khai, ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc áp dụng thời hiệu. Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không áp dụng thời hiệu là căn cứ để giải quyết vụ án.

Thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Q là bị đơn trong vụ án, trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty Q đã vi phạm nghĩa vụ, hiện Công ty Q chưa thay đổi địa chỉ đăng ký kinh doanh tuy nhiên không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Nguyễn Thị T1, bà T1 đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bằng phương thức giao văn bản trực tiếp và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bà T1, ông T2 vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa mà không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị Quyết số 04/NQ-HĐTPTANDTC ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là Công ty Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Văn T2.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án buộc Công ty Q phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) ngày 12/4/2018 là 99.853.010 đồng, nợ lãi thẻ tạm tính đến ngày xét xử là 132.725.704 là đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) ngày 12/4/2018 được ký kết tự nguyện, đảm bảo năng lực chủ thể, Ngân hàng V có chức năng phát hành và kinh doanh loại hình tín dụng thẻ theo quy định pháp luật, Công ty Q do bà Nguyễn Thị T1 là người đại diện theo pháp luật có đăng ký kinh doanh và thuộc loại hình doanh nghiệp đủ điều kiện đề nghị được phát hành thẻ, mục đích, nội dung và hình thức của

hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật, nên căn cứ điều 127 Bộ luật dân sự 2015 xác định đây là hợp đồng hợp pháp, phát sinh hiệu lực và các bên có nghĩa vụ thực hiện.

Về nội dung: Căn cứ vào đề nghị của Công ty Q, Ngân hàng V đã đồng ý cấp thẻ Business Credit QAE CO LTD cho Công ty Q với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng; Mục đích kinh doanh thương mại máy móc, phụ tùng, thiết bị công nghiệp. Quá trình sử dụng thẻ được cấp Công ty Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng V đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên nên được chấp nhận. Xét về lãi suất trong hạn, lãi suất nợ quá hạn Ngân hàng V yêu cầu phù hợp với thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) ngày 12/4/2018, không vượt quá quy định của Luật tổ chức tín dụng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu buộc Công ty Q phải thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi của thẻ tín dụng tính đến ngày xét xử là 232.578.713 (hai trăm ba mươi hai triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm mười ba) đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đề nghị Tòa án buộc Công ty Q phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi là đồng xuất phát từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 020318-4532893-01-SME và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐTD (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 020318-4532893-01-SME ngày 05/3/2018 và các Khế ước nhận nợ, Hội đồng xét xử thấy:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 020318-4532893-01-SME, Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐTD (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 020318-4532893-01-SME ngày 05/3/2018 và các Khế ước nhận nợ được ký kết tự nguyện, đảm bảo năng lực chủ thể, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật, nên căn cứ điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định đây là hợp đồng hợp pháp, phát sinh hiệu lực và các bên có nghĩa vụ thực hiện.

Trên cơ sở thực hiện các thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức và Phụ lục Hợp đồng, Ngân hàng V – chi nhánh H đã giải ngân cho Công ty Q vay tổng số tiền là 6.056.270.000 đồng theo 08 Khế ước nhận nợ đã được hai bên ký kết. Công ty Q đã thanh toán được 3.056.270.000 đồng và trả lãi hàng tháng theo thỏa thuận. Đến ngày 25/12/2018 Công ty Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi trong hạn do đó Ngân hàng V đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và tính lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ.

Việc Công ty Q không thực hiện trả tiền nợ gốc và nợ lãi hàng tháng theo thỏa thuận tại các Khế ước nhận nợ kể từ ngày 25/12/2018 là ngày đến hạn trả nợ của Khế ước nhận nợ cuối cùng, là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại điều 5 của Hợp đồng hạn mức tín dụng. Ngân hàng V chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn, yêu cầu Công ty Q thanh toán tiền nợ, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn là phù hợp với quy định tại điều 5

Hợp đồng hạn mức tín dụng, điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi xét thấy: Hợp đồng hạn mức tín dụng, Phụ lục hợp đồng và 08 Khế ước nhận nợ được ký kết từ sau ngày 05/3/2018. Theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì yêu cầu Công ty Q ngoài trả số tiền nợ gốc, nợ lãi còn phải trả tiền phạt chậm trả lãi của Ngân hàng V là có căn cứ chấp nhận. Việc Ngân hàng V yêu cầu áp dụng lãi suất và thời điểm tính lãi suất đối với các khoản tiền nợ chưa trả đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu bà Nguyễn Thị T thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Q, Hội đồng xét xử thấy: ngày 05/3/2018 bên bảo lãnh là bà Nguyễn Thị T và bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng V – chi nhánh H đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 4532893/HĐBL/VPBANK-CHI NHANH HA NOI. Xét hợp đồng bảo lãnh đảm bảo đúng quy định pháp luật về hình thức văn bản, chủ thể ký kết, nội dung bảo lãnh theo quy định của Bộ luật Dân sự nên phát sinh hiệu lực. Khi ký hợp đồng bảo lãnh bà T ký bảo lãnh với tư cách cá nhân cam kết dùng bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà T. Ngân hàng V cũng chỉ yêu cầu bà T thực hiện trách nhiệm bảo lãnh cá nhân của bà T, không yêu cầu bên thứ ba nào khác nên Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ buộc trách nhiệm, nghĩa vụ của ông Trần Văn T1 trong việc thực hiện trách nhiệm bảo lãnh thực hiện trả nợ thay cho Công ty Q. Khi đến thời hạn trả nợ, Công ty Q đã vi phạm nghĩa vụ, nên căn cứ điểm a khoản 1 điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh và khoản 1 điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015, phát sinh nghĩa vụ của bên bảo lãnh là bà Nguyễn Thị T. Nếu Công ty Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V được quyền yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay cho Công ty Q toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và phạt chậm trả lãi.

[5] Về án phí: Ngân hàng V được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, hoàn trả Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty Q phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng điều 280, 292, 293, 335, 336, 342, 398, 401, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 điều 147; điều 184; 203; khoản 1 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227; điều 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng khoản 1, 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với Công ty Q.

Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng; nợ lãi trong hạn: 38.451.487 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.434.597.288; phạt chậm trả: 394.916.450 đồng. Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi và phạt chậm trả lãi tính đến ngày xét xử Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V là **5.867.965.225** (năm tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi lăm) đồng xuất phát từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 020318-4532893-01-SME ngày 05/3/2018; Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐTD (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 020318-4532893-01-SME ngày 05/3/2018); Khế ước nhận nợ số 505318-4532893-01-SME ngày 05/3/2018; Khế ước nhận nợ số 260418-4532893-01-SME ngày 26/04/2018; Khế ước nhận nợ số 280618 - 4532893-01-SME ngày 28/6/2018; Khế ước nhận nợ số 270718 - 4532893-01-SME ngày 27/07/2018; Khế ước nhận nợ số 100918 - 4532893-01-SME ngày 10/09/2018; Khế ước nhận nợ số 270918-4532893-01-SME ngày 27/9/2018; Khế ước nhận nợ số 291018-4532893-01-SME ngày 29/10/2018 và Khế ước nhận nợ số 101218 - 4532893-01-SME ngày 10/12/2018.

Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc là 99.853.010 đồng; nợ lãi 132.725.704 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 31/12/2021 là **232.578.713** (hai trăm ba mươi hai triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm mười ba) đồng xuất phát từ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) ngày 12/4/2018.

Nếu Công ty Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên cho Ngân hàng V thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay cho Công ty Q toàn bộ số tiền Công ty Q thanh toán cho Ngân hàng V. Nếu bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên cho Ngân hàng V thì Ngân hàng V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện kê biên, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Q và bà Nguyễn Thị T để khấu trừ vào số tiền mà Công ty Q còn chưa thanh toán trả cho Ngân hàng V.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên

thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ), các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Ngân hàng V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 56.012.500 (năm mươi sáu triệu không trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0003910 ngày 15/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Công ty Q phải chịu 114.101.000 (một trăm mười bốn triệu một trăm linh một nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Ngân hàng V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Q, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Cầu Giấy
- THA DS Q.Cầu Giấy
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán

Tô Thanh Tú